 DOI: 10.35382/TVUJS.1.46.2022.916

LỄ ĐẮP NÚI CÁT: TỪ HUYỀN THOẠI ĐẾN BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA TÔN GIÁO TRONG LỄ TẾT CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Sơn Chanh Đa[1*]

THE BUILDING OF SAND MOUNTAIN CEREMONY: SYMBOL OF RELIGIOUS CULTURE AT THE KHMER NEW YEAR IN SOUTHERN VIETNAM

Son Chanh Da[1*]

Tóm tắt – *Biểu tượng văn hóa là đối tượng nghiên cứu được nhiều học giả quan tâm khi tiếp cận đối với các nền văn hóa. Bài viết dựa trên lí thuyết nhân học biểu tượng hay nhân học diễn giải để phân tích giải mã ý nghĩa biểu tượng núi cát và sự liên kết biểu tượng tôn giáo với cấu trúc xã hội và tâm lí cá nhân. Lễ đắp núi cát vào ngày đầu năm mới là sinh hoạt văn hóa tâm linh quan trọng thể hiện sự dung hòa các luồng tôn giáo trong đời sống văn hóa lễ hội truyền thống. Việc giải mã biểu tượng núi cát giúp thấy được những chân trời trí tuệ và triết lí tôn giáo ẩn mình trong lòng văn hóa tộc người Khmer Nam Bộ.*

Từ khoá: biểu tượng văn hóa tôn giáo, lễ đắp núi cát, tết Khmer Nam Bộ.

Abstract – *Cultural symbols are research objects that many scholars are interested in when studying cultures. The article is based on the structural theory of symbolic anthropology (or interpretive anthropology) to study and decipher the meaning of sand mountains in Khmer culture. The building of sand mountains during ceremonies on New Year's Day is an important cultural and spiritual activity that illustrates religious harmony with cultural life during traditional festivals. In the article, the symbolic meaning of the sand mountain is deciphered to explore the cultural values and religious philosophies hidden in the heart of Khmer culture in Southern Viet Nam.*

Keywords: Khmer new year in Southern Vietnam, symbol of religious culture, the building of sand mountain ceremony.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tết hay lễ vào năm mới Bân Chôl Chnăm Thmây (បុណ្យចូលឆ្នាំថ្មី) là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa truyền thống của tộc người Khmer Nam Bộ. Lễ tết có nhiều hoạt động mang đậm màu sắc tín ngưỡng, tôn giáo, với tập hợp hệ thống biểu tượng nhằm hiện thực hóa thế giới ý niệm về đời sống tâm linh bằng những nghi thức, hoạt động để con người giao tiếp với thế giới thần linh. Trong đó, lễ đắp núi cát là một trong những hoạt động mang tính biểu tượng tôn giáo thể hiện những ước vọng trong năm mới tạo thành năng lượng cảm xúc kích thích sự phát triển tâm thần trong cộng đồng. Biểu tượng núi cát là mã văn hóa tiếp thu từ văn hóa tôn giáo Ấn Độ, nhiều giá trị văn hóa ẩn mình trong các huyền thoại và tư tưởng triết học chưa được khám phá. Do vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu là sự nỗ lực muốn vươn tới giải mã biểu tượng núi cát xuất hiện trong ngày lễ tết.

Cách tiếp cận biểu tượng núi cát trong bài nghiên cứu dựa trên cơ sở lí thuyết nhân học biểu tượng hay còn được biết đến với một cái tên khác là nhân học diễn giải (interpretive anthropology). Nhân học biểu tượng về bản chất hướng đến việc giải mã những thành tố văn hóa thông qua ý nghĩa các biểu tượng trong đời sống con người và đại

[1]Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam
Ngày nhận bài: 22/11/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 10/02/2022; Ngày chấp nhận đăng: 13/3/2022
*Tác giả liên hệ: scda@ctu.edu.vn
[1]Can Tho University, Vietnam
Received date: 22nd November 2021; Revised date: 10th February 2022; Accepted date: 13th March 2022
*Corresponding author: scda@ctu.edu.vn

diện tiêu biểu cho khuynh hướng diễn giải trong cách tiếp cận biểu tượng là Clifford Geertz.

Geertz xem tôn giáo là 'một hệ thống biểu tượng, hoạt động nhằm thiết lập những tâm trạng và động cơ mạnh mẽ, rộng khắp và bền lâu trong con người bằng cách đề ra những khái niệm về một trật tự chung của sự tồn tại và khoác cho những khái niệm này bằng một hào quang của sự thật khiến cho những tâm trạng và động cơ đó dường như là hiện thực duy nhất.' [1, tr.90]. Ông xem biểu tượng là công cụ, phương tiện chuyển tải văn hóa, vì vậy đặt trọng tâm vào diễn giải ý nghĩa biểu tượng và quan tâm xem biểu tượng đã tạo ra cách cảm nhận, cách nhìn và cách suy nghĩ như thế nào cho các tác nhân xã hội (social actors). Theo ông, việc nghiên cứu biểu tượng tôn giáo cần phải thấy tính đặc thù, trải qua hai giai đoạn là tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng và làm rõ sự liên kết biểu tượng với cấu trúc và tâm lí cá nhân. Do vậy, lí thuyết nhân học diễn giải của Geertz giúp bài viết phân tích làm rõ hai vấn đề, một là giải mã huyền thoại và ý nghĩa về biểu tượng núi cát; hai là, làm rõ mục đích biểu tượng hóa núi Sômeru trong mối liên hệ tâm lí cá nhân vào ngày lễ tết của người Khmer Nam Bộ.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Lễ tết của người Khmer Nam Bộ và cuộc lễ đắp núi cát đã được nhiều học giả quan tâm đề cập trong công trình nghiên cứu trước đây với nhiều góc độ khác nhau.

Về cuộc lễ đắp núi cát, Sơn Lương [2], qua thực tế nghiên cứu lễ tết của người Khmer ở Sóc Trăng, tập trung mô tả diễn trình ngày lễ tết với tập hợp nhiều cuộc lễ, trong đó cuộc lễ đắp núi cát 'Puôn phnum khsach' diễn ra vào ngày thứ hai (gọi là ngày Vonabot) tại khuôn viên chùa. Sơn Phước Hoan cùng các cộng sự [3] phân tích sâu và dẫn chi tiết mối liên hệ giữa tục lễ đắp núi cát gắn với tích truyện về người thợ săn vẫn lưu truyền trong dân gian cho đến ngày nay. Theo tác giả, những núi cát này tượng trưng cho vũ trụ, mỗi núi một hướng và núi thứ chín ở giữa tức núi Sômeru, trung tâm trái đất (mặt khác, các ngọn núi còn là biểu tượng tượng trưng ước mơ cầu cho năm mới trở nên giàu có, của cải chất cao như núi).

Phân tích mối liên hệ tôn giáo với cuộc lễ đắp núi cát vào ngày đầu năm mới, Lê Hương [4] cho rằng lễ tết tộc người Khmer Nam Bộ chịu ảnh hưởng của Bà La Môn giáo và Phật giáo, lễ đắp núi cát là cuộc lễ quan trọng trong các cuộc lễ chào đón năm mới. Theo ông, các ngọn núi cát này hình dung tất cả những đại sơn của khoa thiên văn học Ấn Độ, thuộc Bà La Môn giáo, mà chính giữa là núi Tudi (Mêru). Theo tác giả, với Phật giáo, họ tin rằng mỗi một hột cát do tín đồ đắp lên thành núi sẽ giải thoát được một kẻ có tội ở thế gian, thế nên họ rất hăng hái thi hành nhiệm vụ, những mong Đức Phật thấy sự khổ cực của mình mà ban phước lành cho. Đối với những người tin theo đạo Bà La Môn, việc đi đắp núi cát là cử hành lễ PRADAKA HINDA để bắt chước theo đoàn chư thần đi theo vị thiên tôn, con của Ngọc đế Indra vòng quanh ngọn núi Tudi, và mong mỏi các đấng thiêng liêng xua đuổi ma quỷ ám ảnh linh hồn mình. Sau khi đắp núi cát, họ thay phiên nhau thức đến sáng trông nom các ngọn núi vì sợ chó, mèo hoặc kẻ nào vô ý làm đổ cát thì xui xẻo cho cả làng, xóm suốt năm. Phạm Thị Phương Hạnh và cộng sự [5] cho rằng cuộc lễ đắp núi cát được gọi là Anisâng Pun Phnôm khsach, theo nghi thức Phật giáo được lưu truyền cho đến ngày nay. Theo nhóm tác giả, các sự tích, truyền thuyết trong ngày tết Chôl Chhnăm Thmây là bài học răn dạy về cách sống, lối sống cho người Khmer theo triết lí Phật giáo. Lễ đắp núi cát được lưu truyền và thực hiện theo nghi thức Phật giáo đến nay cũng được đề cập trong các nghiên cứu của Thạch Voi [6], Tiền Văn Triệu, Lâm Quang Vinh [7].

Giải thích về ý nghĩa tục đắp núi cát, nhiều nhà nghiên cứu đưa ra những cách lí giải khác nhau. Trần Minh Thương [8] xem tục đắp núi cát có ý nghĩa ngăn trở ma quỷ và những điều xấu, đồng thời nhắc nhở mọi người nên tích phúc để ngày một cao vời lớn lao như núi và lan dần khắp bốn phương tám hướng. Sơn Lương [2] cho rằng tục đắp núi cát được thực hiện để mong gặp điều lành, tập tục này bắt nguồn từ sự tích của một thợ săn, gắn với ma thuật cầu mùa của người xưa. Hứa Sa Ni [9] đưa ra giải thích đây là tập tục sẽ mang lại Anishang (Phúc) cho cộng đồng. Tác giả còn cho rằng, tục đắp núi cát là biểu hiện của ma thuật, vì xưa kia người Khmer Nam Bộ

tin rằng, núi có thể cản mây và do đó việc đắp núi cát là để ngăn lại các đám mây, cầu cho mưa mau đến để người dân khởi sự làm mùa. Tiền Văn Triệu, Lâm Quang Vinh [7] cho rằng ngày Vôn Bât hiện lên với ý nghĩa cầu nguyện cho cuộc sống của đồng bào Khmer Nam Bộ được phước, được yên lành mà sâu xa hơn là khi chết đi sẽ được lên cõi Niết bàn và cuộc lễ có ý nghĩa nhân sinh cao cả. Thạch Voi [6], Đặng Vũ Thị Thảo [10] có cùng nhận định khi cho rằng người Khmer Nam Bộ giữ tục đắp núi cát để tích lấy phước.

Các công trình nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung mô tả diễn trình các cuộc lễ vào ngày tết của người Khmer Nam Bộ với các mức độ khác nhau. Các công trình đề cập tục đắp núi cát gắn với tích Phật giáo mà ít thấy có mối liên hệ với Bà La Môn giáo và cách lí giải ý nghĩa biểu tượng của các tác giả cũng khác nhau. Các tác giả chưa đặt biểu tượng núi cát như một đối tượng nghiên cứu độc lập, do vậy còn hạn chế về việc truy nguyên nguồn gốc biểu tượng núi Sôme trong mối liên hệ giữa Bà La Môn giáo và Phật giáo để thấy khớp nối sự chuyển ngôi tôn giáo trong đời sống tâm linh qua biểu tượng, cũng như mục đích việc đắp núi cát trong lễ tết. Vì vậy, việc giải mã biểu tượng núi cát góp phần hiểu rõ hơn các tầng sâu ý nghĩa của tục đắp núi cát trong lễ vào năm mới của tộc người Khmer Nam Bộ là việc làm cần thiết.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp mô tả sâu (thick description) được sử dụng không nhằm mô tả cái gì đang diễn ra mà được dùng với mục đích khám phá ý hướng phía sau hành vi đang diễn ra cũng như xác định ý nghĩa bao quát các nghi lễ, niềm tin và định chế của tộc người Khmer Nam Bộ. Phương pháp mô tả sâu của Clifford Geertz trong nhân học diễn giải giúp bóc tách các lớp ý nghĩa (layers of meaning) ẩn bên trong phương tiện thể hiện và trao truyền của văn hóa, đó chính là biểu tượng núi cát trong ngày tết của người Khmer Nam Bộ.

Phương pháp quan sát tham dự nhân học được sử dụng để có thể giải mã biểu tượng núi cát bằng kĩ thuật phân tích mô tả sâu và phản ánh những tác động của biểu tượng đối với tâm lí cá nhân cộng đồng một cách chân thật. Tác giả thực hiện ba cuộc điền dã vào tết năm 2019 và 2020. Cuộc điền dã thứ nhất thực hiện tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, với ba ngôi chùa Khmer (Chùa Sêrey KroSăng, Chùa Sala Pôthi và Chùa Tà Đơk). Đây là địa phương có hơn 50% dân số toàn thị xã là người Khmer. Cuộc điền dã thứ hai thực hiện tại tỉnh Trà Vinh, khảo sát bốn ngôi chùa (chùa Som rông Ek, chùa Âng, chùa Kh-tưng và chùa Sombua). Đây là tỉnh có tỉ lệ dân số Khmer đông nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm khoảng 30% dân số của tỉnh. Cuộc điền dã thứ ba thực hiện tại ba chùa (chùa Serey Vong sa, chùa Ompor Vone và chùa Pôthi Somrông) ở quận Ô Môn thuộc thành phố Cần Thơ. Tác giả lựa chọn các địa phương có khu vực nông thôn xen lẫn thành thị nhằm mục đích xem xét có sự khác nhau trong cách tổ chức đắp núi cát, tích truyện gắn tục đắp núi cát, ý nghĩa và mục đích biểu tượng hóa núi cát trong ngày lễ tết. Tác giả thực hiện quan sát không cơ cấu hóa, các bước tiến hành một cách ngẫu nhiên theo thực tế trên địa bàn nghiên cứu với bước một, tiến hành tham dự lễ tết mà trọng tâm là cuộc lễ đắp núi cát; bước hai, tiến hành quan sát, ghi chép thông tin qua phỏng vấn tại chỗ những người tham dự lễ (một số vị sư, Acha Vot); bước ba, tiến hành chụp ảnh các hoạt động lễ quy y và xuất thế núi cát.

Phương pháp phỏng vấn xã hội học là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu định tính nhằm thu thập thông tin về mục đích, ý nghĩa của cuộc lễ đắp núi cát trong lễ tết. Tác giả thực hiện 10 cuộc phỏng vấn dài ngắn khác nhau, sử dụng các câu hỏi định tính, câu hỏi mở đối với các chuyên gia thực hành tôn giáo, những người nắm giữ thông tin chính như các vị sư sãi, Acha và một số người am hiểu về văn hóa Khmer Nam Bộ tại các địa phương.

IV. TẾT VÀ LỄ ĐẮP NÚI CÁT CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Tết là sự đánh dấu chuyển tiếp chu trình thời gian cũ sang chu trình thời gian mới, theo lịch năm con giáp mới của người Khmer Nam Bộ. Chu trình vận hành thời gian cũng chính là sự vận động của thiên nhiên chuyển từ mùa khô sang mùa mưa. Người Khmer Nam Bộ xưa là những cư dân nông nghiệp, mùa mưa có ý nghĩa

đặc biệt quan trọng, đánh dấu thời điểm bắt đầu mùa vụ mới, năm mới với nhiều mong ước mưa thuận gió hòa, gia đình họ hàng nhiều phúc lành, cuộc sống sung túc. Kết quả điền dã ở các địa phương cho thấy, lễ tết Khmer Nam Bộ thường diễn ra trong ba ngày chính 13, 14 và 15 tháng 4 dương lịch và ứng với tháng Chết (ចេត្រ) trong lịch Khmer, đối với những năm nhuận, lễ tết vào ngày 14, 15 và 16.

Ngày đầu được gọi là Thngay Viareak Môha Song-kran (ថ្ងៃវារៈមហាសង្ក្រាន្ត) nghĩa là rước Đại lịch theo lịch của người Khmer, các nhà chiêm tinh sẽ xem và báo ngày giờ rước Đại lịch chào đón năm mới. Về cơ bản, việc rước Đại lịch cũng giống như lễ đón giao thừa tết Nguyên Đán của người Việt. Tuy nhiên, các vị Acha (người am hiểu phong tục tập quán Khmer) cho rằng, giờ rước Đại lịch mỗi năm có thay đổi theo cách tính toán và ấn định từ trước đó như rước đại lịch năm 2019 lúc 15 giờ 12 phút, năm 2020 là 20 giờ 48 phút, năm 2021 lúc 4 giờ sáng. Việc rước đại lịch thường diễn ra tại chùa, các vị sư cùng Phật tử tập trung đi vòng quanh chánh điện theo chiều kim đồng hồ đưa tiễn vị thần năm cũ và chào đón vị thần năm mới. Gia đình Phật tử Khmer Nam Bộ cũng tổ chức đón Têvada Chnăm Thmây (chư thiên năm mới) vào giờ đó tại nhà.

Ngày thứ hai gọi là Thngay Viareak Von-nath-boch (ថ្ងៃវារៈវ័នបត), nghĩa là ngày cúng dường, làm phước, vào buổi sáng sớm, người Khmer ở các địa phương điền dã thường tổ chức dâng cơm sư độ và các vị sư đọc kinh chúc phúc đến Phật tử. Buổi chiều cùng ngày, người Khmer đến chùa đắp núi cát, tùy mỗi chùa, có nơi bà con Phật tử trong phum sroc đắp một núi cát to (có nơi làm núi thóc), có nơi 05 núi cát hoặc có nơi đắp 09 núi cát. Nhưng nhìn chung, dù ít hay nhiều, mỗi chùa đều có một ngọn núi cát lớn đại diện núi Sôme trung tâm vũ trụ và các ngọn núi cát còn lại có hình dạng nhỏ hơn, nằm xung quanh. Sau khi đắp xong, tùy mỗi chùa trang trí núi cát khác nhau, thường cắm nhang, đặt hoa xung quanh, an vị tượng Phật trên đỉnh của ngọn núi cát và có chùa còn làm các bậc thang lên xuống hai bên tháp núi cát. Với ý nghĩa quan trọng của sinh hoạt tôn giáo, lúc này mọi người tập trung gần các núi cát, các Acha và sư sẽ làm lễ quy y núi cát Bom-búas Ph-num (បំបួសភ្នំ), Acha đọc kinh (អធិដ្ឋាន) và lấy mảnh vải đắp ngang núi, lúc này sư đọc kinh hộ trì Thoa Chom-rơn Preak Barât (សូត្រធម៌ ចម្រើនព្រះបរិត្ត). Núi cát lúc này được gọi là Oong Chêtđây (អង្គចេតិយ) và theo quan niệm của người Khmer Nam Bộ, núi cát đã được thiêng hóa, lúc này nếu ai cố tình giẫm đạp, bước ngang qua hoặc làm hỏng núi cát trước khi xuất thế sẽ mắc tội và gặp điều không lành trong năm mới.

Ngày thứ ba gọi là Thngay Viareak Lơng Sắk (ថ្ងៃវារៈឡើងស័ក), nghĩa là tăng lên hay thêm can. Buổi sáng, Phật tử thỉnh sư làm lễ xuất thế núi cát, các vị Acha sẽ đọc câu kinh Pali là 'Ăk-meng Vialuc Chettây Banh-chăc-Kha-mê' (ឥមំ វាលុកចេតិយំ បច្ឆក្ខាមិ), nghĩa tiếng Việt là "Nay tôi xuất thế núi cát". Theo cách lí giải của Acha Vot, ở một số nơi, người Khmer Nam Bộ quan niệm sau khi xuất thế núi cát, mọi tội lỗi của Phật tử đều được xóa bỏ. Tuy nhiên, tư tưởng này chỉ là cách làm an lòng về mặt tư tưởng con người với hi vọng một năm mới được hưởng nhiều điều tốt lành, sung túc. Buổi trưa, Phật tử dâng cơm cho sư; buổi chiều, ở chùa tắm tượng Phật, ở gia đình người Khmer Nam Bộ tắm ông bà, cha mẹ. Cũng trong buổi chiều của ngày thứ ba, Phật tử thỉnh các vị sư đến cầu siêu tại Chêtđây là tháp cất giữ hài cốt và các ngôi mộ riêng lẻ của người thân gia đình đã quá cố.

Qua hoạt động quan sát và tham dự nhân học, tác giả mô hình hóa diễn trình lễ đắp núi cát trong ngày tết của người Khmer Nam Bộ như sau:

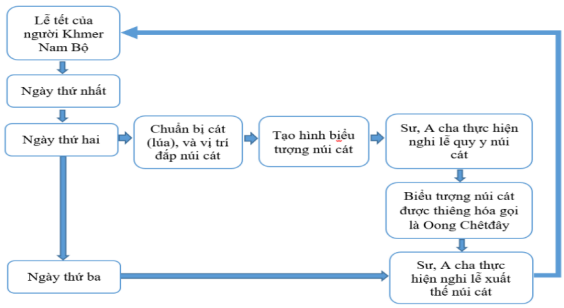

Hình 1: Diễn trình lễ đắp núi cát trong ngày tết của người Khmer Nam Bộ

Tết Khmer Nam Bộ là chuỗi các hoạt động lễ được tiến hành liên tục như rước Đại lịch, lễ dâng cơm sư, đắp núi cát, tắm tượng Phật, tắm sư, tắm ông bà, lễ cầu siêu và các buổi thuyết pháp, các

trò chơi văn nghệ, thể thao có tính chất truyền thống. Các hoạt động lễ trong ngày tết Khmer chủ yếu diễn ra ở thiết chế tôn giáo và một số hoạt động được thực hiện tại gia nhằm bày tỏ lòng thành kính đến các vị sư, người thân, giữa thế giới trần tục và thế giới tâm linh.

Ngoài việc quan sát tham dự các hoạt động lễ tết, tác giả thực hiện việc phỏng vấn sâu đối với những người được xem như là những chuyên gia thực hành các cuộc lễ trong hoạt động lễ hội truyền thống, góp phần vào hành trình giải mã biểu tượng núi cát trong lễ tết của người Khmer Nam Bộ như Hình 1.

V. HUYỀN THOẠI VỀ NÚI SÔMÊRU VÀ BIỂU TƯỢNG ĐẮP NÚI CÁT TRONG LỄ VÀO NĂM MỚI

A. Huyền thoại núi Sômêru qua di vết Ấn Độ

Trong *Từ điển Khmer – Khmer* của Chuon Nath, thuật ngữ Sômêru, sômê hay mê ru (សុមេរុ សុមេរ៉ ឬ មេរុ) là một danh từ nhằm để chỉ ngọn núi cao nhất trong các ngọn núi trên thế gian, là nơi cư ngụ của các chư thiên [11, tr.1380]. Đến nay, người Khmer Nam Bộ vẫn giữ cách gọi là núi Sômeru hay sôme, còn trong *Phật điển phổ thông dẫn vào tuệ giác Phật* gọi là Tu Di (Hán Việt là Tu Di Sơn) cũng gọi là Sumeru (meru vi diệu) hoặc Sineru (tiếng Pali) được miêu tả là ngọn núi cao nhất trong thần thoại Ấn Độ cổ đại, chư thiên tam thập tam cư ngụ trên đỉnh núi này [12, tr.93].

Bà La Môn giáo (sau này là Ấn Độ giáo) có một số phiên bản về vũ trụ học vẫn tồn tại trong kinh điển, một trong số đó là huyền thoại về thế gian có nguồn gốc từ một quả trứng vũ trụ, trong đó nửa phần trên của quả trứng trở thành cõi trời, đây cũng chính là quê hương của các vị thần và nửa phần dưới còn lại là cõi thế tục của con người: 'Trong cõi thế tục này, con người sống trong những hòn đảo đồng tâm và biển cả, với ngọn núi Mêru khổng lồ cái trục của vũ trụ, nằm ở trung tâm điểm. Bảy tầng trời lơ lửng trên đỉnh núi Mêru do bảy loại thần thánh và nửa người nửa thần thánh cư ngụ; và phía dưới quả đất có 7 tầng địa ngục' [13, tr.36].

Mahabharata, sử thi được viết bằng chữ Phạn nổi tiếng của Ấn Độ cổ đại, nhiều lần đề cập đến Hy Mã Lạp Sơn, dãy núi cao nhất thế gian với nhiều ngọn núi, trong đó ngọn núi cao nhất là Sômêru, nơi ngự trị của các vị thần linh. Trong vũ trụ quan về ngọn núi trung tâm, ngoài núi Mêru được xem là trục của vũ trụ, 'người Ấn Độ còn hình dung ra nhiều ngọn núi khác coi là trục thế giới: núi Kailâsa là nơi ở của thần Civa' [14, tr.700]; thần thoại Khuấy động biển sữa (samudra Manthana), ngọn núi Mandara được dùng làm trục với 'chức năng chống đỡ, đảm bảo sự ổn định của thế gian' [14, tr.784] được thần rùa Kurma (do thần Visnu hóa thân thành) cõng trên lưng, để các deva và asura dùng vua rắn Vasuki quấn quanh trục và kéo về hai phía tiến hành đánh biển sữa, các deva nắm phần đuôi và phần đầu được các asura nắm.

Núi Sômeru theo cách gọi của người Khmer Nam Bộ hay Tu Di Sơn (hay meru; sumeru) [15] trong Phật giáo Bắc truyền đều lấy vũ trụ quan Phật giáo với ngọn núi Sômeru được bao quanh bởi 08 núi, 08 biển cả và xem ngọn núi Sômeru là nơi cao nhất và nằm ở vị trí trung tâm của tiểu thế giới: 'dưới núi Tudi là cõi của loài Ngạ quỷ (S: preta), phía trên là từng của các Thiên giới (S: deva) cao cấp, các tầng Sắc giới (S: rūpaloka) cũng như các tầng Vô sắc giới (Ba thế giới) và Tịnh độ' [16]. Vì vậy, trong cách luận giải về vũ trụ của Phật giáo, núi Sômeru là núi trung tâm của thế giới đa tầng 'được mường tượng như là một đài sen nhô lên từ mặt nước (nhất hoa nhất thế giới). Nhìn trên bình đồ, mô hình thế giới với cửu sơn bát hải vây xung quanh được gọi là mandala với hình ảnh hoa sen lại nở ra hoa sen' [17, tr.23-36].

Núi Sômeru được đề cập trong cả Bà La Môn giáo và Phật giáo, nơi đây được xem như trung tâm vũ trụ thuộc vật lí, siêu hình và tinh thần. Đây là mã văn hóa khởi nguyên từ Brahman giáo với những huyền thoại xuất hiện từ khá sớm và 'có những biến đổi sâu sắc khi đi vào hệ thống kinh tạng Phật giáo' [17, tr.23]. Điểm tựu chung ngọn núi Sômêru là trục, là trung tâm vũ trụ và là nơi cư ngụ của thần linh. Mã văn hóa này được tộc người Khmer Nam Bộ tiếp thu qua quá trình giao lưu văn hóa Ấn Độ, họ đã biết 'kết hợp những yếu tố mới đó với những yếu tố văn hóa bản địa của mình' [18, tr.52], tạo nên sự phong phú nhưng vẫn giữ được các yếu tố văn hóa dân gian bản địa không bị văn hóa ngoại lai chèn ép,

Bảng 1: Hệ thống tri thức dân gian về cuộc lễ đắp núi cát của người Khmer Nam Bộ

Stt	Người tham gia phỏng vấn	Lễ đắp núi cát				
		Vai trò	Tích truyện	Mục đích và ý nghĩa	Tích cực	Hạn chế
1	Đại đức T.Đ, chùa Pôthi Somrông, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Cần Thơ.	Sợi dây liên kết giữa phật tử với tôn giáo. Hướng về cội nguồn văn hóa tôn giáo.	Tích truyện Phật giáo kể về người thợ săn.	- Cầu nối giữa trần gian và thế giới tâm linh. - Mong được phước lành trong năm mới.	- Niềm tin vào tương lai tốt đẹp. - Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.	Với niềm tin vào việc đắp mỗi hạt cát là tích được phước đức dễ tạo tâm lý ỷ lại, phụ thuộc đấng thần linh.
2	Đại đức T.C.Đ.R, Phó Trụ trì chùa Sêrey Kro Săng, Phường 2, TX. Vĩnh Châu, Sóc Trăng.	Biểu tượng hình ảnh núi Sômeru, ngọn núi có trong Bà La Môn giáo và Phật giáo.	Tích truyện nhằm giáo dục về đạo đức làm người trong cuộc sống.	- Thể hiện sự dung hợp Phật giáo với các tôn giáo tín ngưỡng. - Nhắc nhở mọi người tích phước.	- Xây dựng tinh thần nhân văn cộng đồng. - Giáo dục tư tưởng đạo đức và tinh thần khuyến thiện.	Dễ tạo tâm lí cầu an, dựa dẫm vào thế giới siêu nhiên hơn sự nỗ lực của bản thân.
3	Ông T.N, Trưởng ban quản trị chùa Sêrey Kro Săng, Phường 2, TX.Vĩnh Châu, Sóc Trăng.	Đại diện núi Sôme, ngọn núi cao nhất nơi ngự trị các vị thần. Góp phần tăng tính thiêng ngày lễ tết.	Tích truyện người thợ săn và tích truyện Chau Com Chân Khsach.	- Tích nhiều phúc đức cao vời như núi. - Cầu mong mùa màng, của cải, sản vật dôi dư chất cao như núi.	- Mang đến niềm tin vào tương lai tốt hơn trong cuộc sống. - Khuyến khích hành thiện tích đức.	Tạo tâm lí phụ thuộc vào đấng bề trên mà xa rời đời sống hiện tại.
4	Đại đức L.H, Phó Trụ trì Chùa Sala Pôthi, Phường 2, TX. Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Chuyển tải nội dung thông điệp tốt đẹp của Phật giáo đến quí phật tử.	Tích truyện phật giáo về tiền kiếp của Đức Phật và truyện về người thợ săn.	- Giáo dục về niềm tin tôn giáo và đạo đức trong cuộc sống. - Mong cuộc sống tốt đẹp hơn trong năm mới.	- Hiểu đúng về tư tưởng Phật giáo. - Tinh thần đoàn kết giữa nhà chùa và phật tử địa phương.	Nếu chỉ bằng việc đắp cát có thể giảm bớt tội hoặc tăng thêm công đức sẽ làm mất đi ý nghĩa sâu xa của cuộc lễ này.
5	Ông T.Y, người từng tu học tại chùa Som bua, Xã Hòa Ân, Huyện Cầu Kè, Trà Vinh.	Nhằm biểu trưng núi Sômeru. Nhắc nhở về ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc	Tích truyện là lời nhắc nhở về nghiệp phước mỗi con người trong cuộc đời.	- Ngăn trở ma quỷ, mong được mưa thuận gió hòa. - Cầu phúc duyên và tránh kiếp nạn.	- Gìn giữ truyền thống văn hóa tốt đẹp. - Hướng con người đến những việc làm tốt đẹp..	Dễ nhận thức sai về ý nghĩa cốt lõi của cổ tục. Dẫn đến tâm lí cầu an thiếu sự chủ động trong các hoạt động thực tiễn.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các cuộc phỏng vấn thực hiện vào các dịp tết cổ truyền của người Khmer Nam Bộ năm 2019, 2020

tiêu diệt hay thay thế. Những tư tưởng triết học siêu hình trong cả Bà La Môn giáo và Phật giáo với hình tượng núi Sômeru đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc của tộc người Khmer Nam Bộ.

B. Biểu tượng đắp núi cát trong ngày lễ tết

Biểu tượng núi cát

Biểu tượng (symbol), theo *Từ điển tiếng Việt*, 'là hình ảnh tượng trưng. Hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác dụng của sự vật vào giác quan đã chấm dứt' [19, tr.66]. Một vật được xem là biểu tượng khi nó có hơn một ý nghĩa đại diện cho chính bản thân nó, đồng thời được tập thể, cộng đồng, 'các thành viên đã đồng nhất hóa, về phương diện nào đó, để làm thành một trung tâm duy nhất' [14, tr.28].

Núi với những đặc điểm cao to vĩ đại, bất di bất dịch, những đỉnh cao hút tầm mắt lên tận mây, tạo cảm giác nối liền giữa trời với đất, 'núi tham gia vào hệ biểu tượng của cái siêu tại, siêu phàm với tính cách là trung tâm của những hiện tượng hiển linh trong khí quyển' [14, tr.699]. Trong mã văn hóa tôn giáo từ Ấn Độ, núi được xem như là trục của thế giới tâm linh, 'núi là nơi lưu trú của thánh thần và việc leo núi được hình dung như là việc đi lên trời, như là phương tiện bước vào quan hệ với thần linh, trở về khởi nguyên' [14, tr.699].

Biểu tượng núi cát mang đến sự suy tư về hành trình biến đổi văn hóa tộc người Khmer Nam Bộ, việc đó đòi hỏi xem xét đúng đắn về bình diện nội dung được đóng kín bên trong 'giống như một cái đầu thám hiểm thả mình vào cõi chưa biết, nó sục tìm và cố diễn đạt cái ý nghĩa cuộc phiêu lưu tinh thần của con người đang lao mình qua cõi không – thời gian' [14, tr.29]. Biểu tượng núi cát vào ngày đầu năm mới là chiếc chìa khóa để bước vào quá khứ những hiểu biết đơn giản của thế giới ý niệm của người xưa, sự hòa hợp giữa các luồng tôn giáo trong cộng đồng, tạo nên ngày lễ tết hết sức độc đáo của người Khmer Nam Bộ, một ngày lễ hội tụ đầy đủ mối giao hòa giữa văn hóa dân gian, Bà La Môn giáo và Phật giáo.

Giải mã biểu tượng núi cát

Lễ đắp núi cát, tiếng Pali gọi là Via lúc Chết-Tây (វាលុកចេតិយ), trong cách gọi thông thường của người Khmer Nam Bộ là Puôn Phnum Khsách (ពូនភ្នំខ្សាច់). Núi cát trong lễ vào năm mới là phiên bản thu nhỏ của ngọn núi thiêng Sômêru, hình ảnh núi cát trong thực tại là cái biểu đạt

(Signifier) được người dân đắp lên vào ngày năm mới và cái được biểu đạt (Signified) là những ý nghĩa, những giá trị của biểu tượng hàm chứa trong nghi thức lễ và tư tưởng triết học tôn giáo là những thông điệp thuộc thế giới ý niệm. Thế giới ý niệm bám rễ vững chắc trong các thế hệ tộc người Khmer Nam Bộ có thể được đặt vào điểm nối về thuyết luân hồi (Samsara) với nghiệp (Karma) được cả Bà La Môn giáo và Phật giáo đề cập trong giáo lí của mình.

Trong Bà La Môn giáo, nghiệp (Karma) có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc đời mỗi con người với thế giới: 'Theo định luật nghiệp báo, mỗi hành tạo ra một quả góp phần cho hoàn cảnh xa hơn của một người hoặc từ bỏ thế gian này' [13, tr.38]. Ngoài ra, theo thuyết luân hồi (Samsara), 'Ấn Độ giáo công nhận vòng sinh tử luân hồi. Ở đây mỗi linh hồn cá thể (Atman) để đầu thai liên tục' [13, tr.38]. Những hành động được tạo ra trong kiếp này cũng góp phần tạo ra định mệnh của một người trong kiếp lai sinh.

Phật giáo xem tất cả chúng sinh theo bánh xe luân hồi liên tục tái sinh trong một chu kì bất tận sinh tử luân hồi (Samsara) giống như 'sự ra đời một con người không phải khởi đầu của những vận mệnh của họ, cũng giống như chết không phải là sự chấm dứt, bởi vì tất cả chúng sinh 'lang thang' qua nhiều kiếp tái sinh liên tục: chư thiên có thể thành người, người có thể thành chư thiên, thú vật hoặc chúng sinh ở địa ngục cũng có thể thành người hoặc quỷ đói...', nói cách khác luân hồi là nhân quả liên tục trong phạm vi tinh thần [13, tr.128]. Về nghiệp (Karma), nghĩa gốc là hành động hay hệ quả của hành động có chủ đích thông qua thân, khẩu và ý, 'nhưng kết quả của nó không giới hạn với đời sống hiện tại mà mở rộng ra với thời kì dài hơn bởi việc tạo nên những lần tái sinh hài lòng hoặc bất mãn' [13, tr.130]. Như vậy, kết quả hay quả báo của nghiệp không mang tính cố định mà do quá trình nỗ lực của con người và con người hoàn toàn có thể tác động đến kết quả của nghiệp. Biểu tượng núi cát thường gắn với các tích truyện Phúc duyên đắp núi cát liên hệ với thuyết Karma và Samara nhằm giáo dục con người phải nghĩ đến điều tích cực, hướng thiện, do đó nó được truyền trong dân gian cho đến ngày nay. Qua hoạt động điền dã tại một số địa phương cùng với việc sưu tầm các nguồn tài liệu, một số dị bản khác nhau về biểu tượng núi cát của người Khmer Nam Bộ được lưu truyền như sau:

Tích truyện thứ nhất kể rằng, xưa kia ở một tiền kiếp của Đức Phật, tên là Barikac, làm nghề thương buôn trên thuyền. Lúc đi buôn phát hiện thấy núi cát trắng đẹp ở dọc biển liền gọi những người đi buôn cùng dừng thuyền ở bãi cát trắng và đắp thành hình tháp cát giống ngọn tháp Preah Cholamoni ở cảnh trời tầng thứ ba thuộc Sơ thiền thiên trong cõi sắc giới. Xong xuôi, những thương buôn lấy hoa lá trang trí cầu nguyện bước đi vòng quanh núi cát ba vòng theo chiều kim đồng hồ, xong việc tất cả họ xuống thuyền đi buôn tiếp. Đến khi mất, họ được tái kiếp thành thần tiên hoặc tái kiếp sống ở trần gian trở thành vua, còn Barikac nhập niết bàn đắc đạo thành Phật nhờ phúc duyên đắp núi cát.

Tích truyện thứ hai kể rằng, xưa kia ở vương quốc nọ có một đứa trẻ đắp núi cát mỗi ngày, khắp người bám đầy bùn đất nên người ta thường gọi cậu là Chau Com Chân Kh-sách (ចៅកំដែលខ្សាច់). Một ngày nọ, Đế Thích nhìn thấy cậu bé đắp núi cát nay đã trưởng thành, nên cử tiên nữ xuống để làm vợ cậu trai trẻ. Lúc đầu cậu không đồng ý, vì sợ bản thân còn trẻ không biết làm gì để nuôi vợ. Tiên nữ đến gặp cha mẹ chàng và thuật lại việc nàng được Đế Thích cho xuống làm vợ Chau Com Chân Kh-sách. Cha mẹ cậu trai hài lòng với tiên nữ, do nàng có sắc đẹp, nết na thùy mị nên khuyên bảo, thuyết phục con trai bằng lòng. Từ khi có vợ, cậu trai dần trở nên khôi ngô tuấn tú và đức độ hơn người. Lúc này, quốc vương sắp băng hà nhưng không có người kế vị, nên giao các quan trong triều chọn người tài, đức để kế vị ngôi vua. Các cận thần vâng lời nhưng tìm mãi vẫn chưa thấy, ngày nọ nghe lời đồn, các cận thần tìm đến nhân vật tài đức xuất chúng mà Đế Thích gả tiên nữ cho là Chau Com Chân Kh-sách. Đến nơi, thấy Chau Com Chân Kh-sách được người dân rất yêu mến và thường xuyên đắp núi cát để xóa bỏ mọi tội lỗi cho người dân, các cận thần đã mời cậu trai về triều đình để lên kế vị ngôi vua.

Các huyền tích xung quanh biểu tượng núi cát càng xây dựng vững chắc niềm tin đối với tôn giáo qua các thế hệ tộc người Khmer Nam Bộ. Các tích truyện đều kết thúc có hậu, nhờ phúc duyên đắp núi cát đem lại điều tốt lành cho cả

hiện tại và kiếp sau. Các tích truyện phúc duyên đắp núi cát đã bám rễ vững chắc vào trong tâm thức người Khmer Nam Bộ và giúp họ hăng hái hướng tâm, khẩu, ý đến điều lành, tránh điều ác; khuyến khích mọi người tích đức, hướng đến vẻ đẹp chân thiện mĩ của cuộc sống. Để cuộc đời không còn chi phối bởi 'Nghiệp' và thoát khỏi kiếp 'Luân hồi' thì con người đạt đến tối thượng gọi là giải thoát và niết bàn.

Tết của người Khmer Nam Bộ nằm trong mối quan hệ hữu cơ và gắn bó mật thiết với tôn giáo. Ngoài các huyền tích về phúc duyên đắp núi cát thì lễ tết còn gắn với truyền thuyết Thom-bal Kôma thắng thần Kabân Môhaprum và để giữ đúng lời hứa của mình, Kabân Môhaprum đã tự cắt đầu mình và giao cho một trong số những người con rước đầu của mình: 'Từ đó về sau, mỗi năm một lần, đúng ngày thần Kabân Môhaprum tự sát, bảy cô gái xuống trần vào tháp bưng đầu lâu bốn mặt của cha đến núi Tudi, đi theo hướng mặt trời vòng quanh chân núi ba lần trong 60 phút' [5, tr.46]. Do vậy, hằng năm, bảy tiên nữ là con của thần Kabân Môhaprum thay phiên nhau làm lễ rước đầu thần đi quanh ba vòng núi theo chiều kim đồng hồ, trong thời điểm rước đại lịch, biểu thị cho năm mới đến và mỗi năm ứng với một vị nữ thần chủ quản, nếu vào ngày chủ nhật ứng với Tungsak Têvi (ចៅកំណែលខ្សាច), ngày thứ hai là Kôriak Têvi (ទុងឆ្នូទេវី), ngày thứ ba là Ríaksa Têvi (គោរាគទេវី), ngày thứ tư là Môndа Têvi (រាក្សសាទេវី), ngày thứ năm là Kêrini Têvi (មណ្ឌាទេវី), ngày thứ sáu là Kêmira Tê vi (កិរិណីទេវី), ngày thứ bảy là Môhô Tôria Têvi (កិមិរាទេវី).

Tích truyện Thom-bal Kôma như đại diện hình ảnh đức Phật, người khởi nguyên Phật giáo, mà Phật giáo được ví như là: 'đứa cháu gái tinh thần vĩ đại của Ấn giáo được Siddharta Gautama 'Đức Phật lịch sử' hay 'Đấng giác ngộ' thuyết giảng đầu tiên ở Bắc Ấn' [16, tr.8]. Hình ảnh nghi thức lễ quy y và xuất thế biểu tượng núi cát một phiên bản thu nhỏ của ngọn núi thiêng trong truyền thuyết được Phật tử Khmer Nam Bộ thực hành vào ngày đầu năm mới, với thông điệp thể hiện sự hoằng dương Phật giáo trước Bà La Môn giáo. Trong thời kì hỗn mang về niềm tin tôn giáo trong cộng đồng tộc người Khmer Nam Bộ, Bà La Môn giáo là một tôn giáo lớn với sự hà khắc về phân chia đẳng cấp mà ngay trên vùng đất hình thành tôn giáo này có những thời điểm nổi lên 'những cuộc nổi loạn chống lại hệ thống phả hệ và chống lại sự ủng hộ tích cực dâng cúng thần linh thuộc kinh Vệ Đà' [13, tr.17]. Thế nên, những triết lí mang đậm tính chất thần quyền, lễ nghi cúng bái theo thời gian không còn giữ vai trò chủ đạo với bản sắc văn hóa bản địa, những cư dân chính yếu thời xưa dần thích nghi với tôn giáo mới hòa nhập, do đó, Phật giáo như luồng gió mới với Dharma (pháp) dành cho tất cả mọi giới, bất kể địa vị, tầng lớp trong xã hội kích thích hướng con người đi đến giác ngộ và sự diệt khổ. Đạo Phật có sự dung hợp uyển chuyển giữa văn hóa Phật giáo với văn hóa dân gian, giúp Phật giáo tạo ra nhiều sức ảnh hưởng phù hợp với tâm lí tính cách, tâm linh và đạo đức của con người nơi đây. Vì vậy, Phật giáo đã trở thành tôn giáo chính của tộc người Khmer Nam Bộ đến ngày nay.

Mục đích biểu tượng hóa

Quá trình núi Sômêru từ huyền thoại trở thành biểu tượng và là lõi văn hóa tôn giáo trong lễ hội truyền thống tộc người Khmer Nam Bộ là một quá trình tiếp xúc giao lưu văn hóa có chọn lọc. Nếu chỉ bằng sự hình dung về vẻ bên ngoài mà không tinh tường đi sâu bóc tách các tầng lớp ý nghĩa sẽ khó phát hiện trọn vẹn mục đích, tâm tư gửi gắm vào các biểu tượng văn hóa dân tộc.

Hữu thể hóa các ý niệm tôn giáo: biểu tượng núi cát mang chức năng thay thế hình ảnh của núi Sômêru, núi cát chỉ là dạng ảnh có tính chuyển tải nội dung và như tấm mạng che chứa đựng tâm tư của người xưa, giúp người hành lễ thấm nhuần tư tưởng triết học tôn giáo và có sự thay đổi về thân khẩu ý trong cuộc sống ở năm mới tốt đẹp thông qua Karma và Samsara.

Biến đổi năng lượng tâm thần: biểu tượng núi làm vật trung gian là phương tiện kết nối trời và đất, thế giới thực và tâm linh, quá khứ và hiện tại. Nó như nguồn năng lượng vô hình hữu dụng giúp an thần trong cách ứng xử của cộng đồng trong đời sống xã hội. Với mong ước giáo dục mọi người tích cực tạo nhiều công đức, nếu có hữu dư thì con cháu và những người khác tiếp tục kế thừa; việc đắp núi cát trở thành dòng chảy liên tục, nhắc nhở Phật tử phải kiên trì. Biểu tượng núi cát vào ngày đầu năm mới 'giống như chiếc lò của nhà luyện đan, nó chuyển hóa các năng lượng: nó có thể biến chì thành vàng và bóng tối

thành ánh sáng' [14, tr.35].

Thể hiện sự dung hợp văn hóa tâm linh của tộc người Khmer Nam Bộ: một dân tộc có cùng chung cơ tầng văn hóa các quốc gia Đông Nam Á, với bản tính hiền hòa, cởi mở, dễ dung nạp dị giáo trong thời kì hỗn độn về niềm tin vào thế giới tâm linh, nên trong nền văn hóa tâm linh ít duy lí của mình đã tiếp nhận cả Bà La Môn giáo và Phật giáo, các luồng tôn giáo này cũng đã thích nghi hòa nhập vào với tín ngưỡng văn hóa bản địa. Tinh thần dung hòa tổng hợp một cách sáng tạo giữa văn hóa tín ngưỡng bản địa với Bà La Môn giáo và Phật giáo trong niềm vui chung của ngày vào năm mới dân tộc, thể hiện tâm lí dân tộc trong quá trình lựa chọn kiểu ứng xử, mối quan hệ với nhau của cộng đồng dân tộc – tín ngưỡng – tôn giáo chung một dòng chảy và luôn đồng hành trong suốt chiều dài lịch sử.

VI. KẾT LUẬN

Lễ đắp núi cát xuất phát từ nhu cầu văn hóa tâm linh của người Khmer Nam Bộ, ngày lễ mang đến sự chiêm nghiệm đồng thời ba thế giới vào ngày đầu năm mới, thế giới thực tại, thế giới ý niệm và thế giới biểu tượng. Biểu tượng núi cát là tín hiệu do con người sáng tạo ra và làm phương tiện giao tiếp giữa thế giới ý niệm và thế giới thực tại, gợi cho người ta những suy ngẫm về tầng sâu ý nghĩa của người xưa để lại. Việc phân tích sâu giúp truy nguyên nguồn gốc về biểu tượng núi cát, thu nhận thông điệp của quá khứ về văn hóa truyền thống vô hình được quy ước một cách huyền bí tinh tế và nhận thấy được khớp nối chuyển giao tôn giáo trong đời sống tâm linh tộc người Khmer Nam Bộ.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, biểu tượng núi cát giữ vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng, khi tham gia vào quá trình thực hành tín ngưỡng, được thờ cúng bao hàm các điều cấm kị và các huyền tích về núi cát đã góp phần gia tăng tính thiêng trong ngày lễ tết. Chính tính thiêng đã gắn kết cộng đồng, tạo thành khuôn mẫu văn hóa và những tư tưởng triết lí tôn giáo đã trở thành khuôn mẫu trong hành vi ứng xử cộng đồng. Biểu tượng trong lễ đắp núi cát của người Khmer Nam Bộ chính là công cụ biểu hiện văn hóa của họ thông qua nhân sinh quan và thế giới quan. Việc tìm hiểu biểu tượng núi cát trong lễ tết có ý nghĩa thiết thực, cụ thể trong việc tiếp cận nền văn hóa trong quá khứ đã để lại và những gì đang diễn ra trong đời sống lễ hội của người Khmer Nam Bộ hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Clifford G. *The interpretation of cultures: Selected essays*. New York: Basic Books, Inc., Publishers; 1973: 17–91.

[2] Sơn Lương. *Phong tục lễ hội của đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng*. Đề tài cấp tỉnh. Hội đồng Nhân dân tỉnh Sóc Trăng; 2018. [Son Luong. *Customs and festivals of the Khmer people in Soc Trang province*. Provincial topic. Soc Trang Provincial People's Council; 2018].

[3] Sơn Phước Hoan (chủ biên). *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2002. [Son Phuoc Hoan (ed). *Traditional festivals of the Khmer people in Southern Vietnam*. Ho Chi Minh City: Education Publishing House; 2002].

[4] Lê Hương. *Người Việt gốc Miên*. Sài Gòn: Nhà Xuất bản Văn Đàn; 1969. [Le Huong. *The Vietnamese-origin-Khmer*. Ho Chi Minh City: Van Dan Publishing House; 1969].

[5] Phạm Thị Phương Hạnh (chủ biên). *Văn hóa Khmer Nam Bộ nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật; 2011. [Pham Thi Phuong Hanh (ed). *Khmer culture in Southern Vietnam: The beauty in the diversity of Vietnamese culture*. Hanoi: Truth National Political Publishing House; 2011].

[6] Viện Văn hóa. *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*. Tỉnh Hậu Giang: Nhà Xuất bản Tổng hợp Hậu Giang; 1988. [Cultural Institute of Vietnam. *Understanding the cultural heritage of the Khmer people in Southern Vietnam*. Hau Giang Province: Hau Giang General Publishing House; 1988].

[7] Tiền Văn Triệu, Lâm Quang Vinh. *Lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học xã hội; 2015. [Tien Van Trieu, Lam Quang Vinh. *Traditional festivals of the Khmer people in Southern Vietnam*. Hanoi: Social Sciences Publishing House; 2015].

[8] Trần Minh Thương. *Văn hóa dân gian phi vật thể của người Khơ Me ở Sóc Trăng*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Mĩ Thuật; 2016. [Tran Minh Thuong. *Folk culture of the Khmer people in Soc Trang*. Hanoi: Fine Arts Publishing House; 2016].

[9] Hứa Sa Ni. Tết của người Khmer Nam Bộ. *Tạp chí Di sản Văn hóa*. 2011;1(34): 70–72. [Hua Sa Ni. Khmer New Year. *Magazine of Cultural Heritage*. 2011;1(34): 70–72].

[10] Trường Lưu. *Văn hóa người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc; 1993. [Truong Luu. *The culture of the Khmer people in the Mekong Delta*. Hanoi: National Culture Publishing House; 1993].

[11] Chuon N. *Dictionaire cambodgien*. Phnom Penh: Édition de L'institut bouddhique; 1967.

[12] Lê Mạnh Nhất – Tuệ Sỹ (chủ biên dịch Việt). *Phật điển phổ thông dẫn vào tuệ giác Phật*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Hồng Đức; 2019. [Le Manh Nhat – Tuy Sy (ed.). *Common Buddhist text: guidance and insight from the Buddha*. Hanoi: Hong Duc Publishing House; 2019].

[13] Littleton CS (người dịch Trần Văn Huân). *Trí tuệ phương Đông*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin; 2003. [Littleton CS. Trans. Tran Van Huan. *Eastern Wisdom*. Hanoi: Cultural & Information Publishing House; 2003].

[14] Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (Phạm Vĩnh Cư – chủ biên dịch). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Đà Nẵng: Nhà Xuất bản Đà Nẵng; 1997. [Chevalier J, Gheerbrant A. Trans. Pham Vinh Cu. *Dictionary of symbols*. Danang: Da Nang Publishing House; 1997].

[15] Thích Gia Quang. *Từ điển Phật học online*. Việt Nam: Giáo hội Phật giáo Việt Nam; 2021. https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/tu-di-son-k5858.html?k [Ngày truy cập: 5/6/2021]. [Thich Gia Quang. *Online Buddhist Dictionary*. Vietnam: Vietnam Buddhist Sangha; 2021. https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/tu-di-son-k5858.html?k [Accessed 5th June 2021]].

[16] Thích Nghiêm Thuận. *Từ điển Phật học*. Việt Nam: Vườn hoa Phật Giáo; 2021. https://vuonhoaphatgiao.com/tu-dien-phat-hoc/tu-di-son/ [Ngày truy cập: 5/6/2021]. [Thich Nghiem Thuan. Buddhist Dictionary. Vietnam: *Vietnam Buddhist Sangha*. 2021. https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/tudi-son-k5858.html?k [Accessed 5th June 2021]].

[17] Trần Trọng Dương. Biểu tượng núi Vũ trụ Meru – Tudi trong văn hóa Việt Nam và Đông Á. *Tạp chí Nghiên cứu Mỹ thuật*. 2012;6: 23–36. [Tran Trong Duong. The symbol of Mount Meru – Tudi in Vietnamese and East Asian culture. *Journal of Fine Arts Research*. 2012;6: 23–36].

[18] Mai Ngọc Chừ. *Văn hóa Đông Nam Á*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 1998. [Mai Ngoc Chu. *Culture of Southeast Asia*. Hanoi: Hanoi National University Publishing House; 1998].

[19] Hoàng Phê (chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đà Nẵng; 2003. [Hoang Phe (ed.). *Vietnamese dictionary*. Danang: Da Nang Publishing House; 2003].